

Bản án số: 41/2020/DS-PT.

Ngày 04- 5- 2020.

V/v “Tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản,
thanh toán phí tổn đăng ký mua bán tài sản
bán đấu giá và hợp đồng ủy quyền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán:

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Đức Hoài Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2019/TLPT - DS ngày 02 tháng 12
năm 2019, về “Tranh chấp kết quả bán đấu giá tài sản, thanh toán phí tổn đăng ký
mua bán tài sản bán đấu giá và hợp đồng ủy quyền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS - ST ngày 28 tháng 8 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 4
năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Khoa Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: đường Vĩnh P , khu
T, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

- Bị đơn: Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ:
Khóm N, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Võ Quốc X, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm N, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn Th1, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Lê Thị L, sinh năm 1963 (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

7. Ông Lê Văn B, sinh năm 1948. Địa chỉ: H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

10. Anh Nguyễn Thành C1, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

12. Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trụ sở: đường Trần Hữu D, phường Đ, quận Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện hợp pháp: Anh Phan Thành Tr - Phó trưởng phòng, phòng tổng hợp
- chi nhánh Vĩnh Long (Xin vắng mặt).

13. Công ty trách nhiệm hữu hạn đấu giá B

Địa chỉ: đường Trường S, phường H, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp anh Đỗ Quốc Th (Có mặt).

14. Văn phòng công chứng C (Nay là Văn phòng công chứng Tạ Thị Th). Người đại diện hợp pháp là bà Tạ Thị Th, chức vụ: Trưởng phòng. Địa chỉ: Phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Có đơn xin vắng mặt).

15. Ông Nguyễn Hùng H, sinh năm 1949. Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

16. Ông Trần Văn Th4, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chi cục thi hành án dân sự huyện H là bị đơn trong vụ án; bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Khoa Đ trình bày:

Ông là người mua tài sản đấu giá theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 094/11/BG-CL ngày 20/12/2011 đối với thửa đất số 456, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.812,2m² loại đất lúa, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do Chi cục thi hành án dân sự huyện H bán đấu giá với số tiền 545.829.000 đồng. Ngày 14/12/2011 ông đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng tại Công ty TNHH đấu giá B, ngày 03/01/2012 ông nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H số tiền 495.829.000 đồng, ông đã nộp đủ số tiền mua tài sản là 545.829.000 đồng.

Sau khi nộp đủ tiền cho đến nay, Chi cục thi hành án dân sự huyện H không giao đất cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 20/12/2011 của Công ty TNHH đấu giá B và buộc Chi cục thi hành án trả lại số tiền 545.829.000 đồng và lãi suất 0,7%/tháng.

Vụ án được xét xử sơ thẩm theo Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, các đương sự kháng cáo. Ngày 23/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử hủy Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử lại.

Sau khi thụ lý lại vụ án, ông Vũ Khoa Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá ngày 20/12/2011 giữa ông và Chi cục thi hành án dân sự huyện H, với lý do phía bị đơn đã vi phạm hợp đồng, không bàn giao tài sản đã bán cho ông, mặc dù ông đã trả đầy đủ tiền và đã gia hạn cho bị đơn rất nhiều lần về việc bàn giao tài sản. Yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 545.829.000 đồng và yêu cầu phải bồi thường thiệt hại vì bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, số tiền thiệt hại này yêu cầu bồi thường theo lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với số tiền mà ông đã thanh toán, tính đến ngày 11/4/2019, cụ thể $545.829.000 \text{ đồng} \times 88 \text{ tháng} \times 0,7\%/\text{tháng} = 336.230.664 \text{ đồng}$. Tổng cộng 882. 059.664 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi 0,7%/tháng.

- Ông Võ Quốc X đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Vào ngày 20/12/2011 Chi cục thi hành án dân sự huyện H bán đấu giá thửa đất số 456, tờ bản đồ số 2, diện tích $4.812,2\text{m}^2$ loại đất lúa, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn Th3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ mua trúng đấu giá với số tiền là 545.829.000 đồng. Ngày 14/12/2011 ông Đ đặt cọc 50.000.000 đồng tại Công ty TNHH đấu giá B, ngày 03/01/2012 ông Đ nộp tại Chi cục thi hành án 495.829.000 đồng, như vậy ông Đ đã nộp đủ số tiền mua tài sản là 545.829.000 đồng.

Căn cứ Điều 47 Luật thi hành án dân sự, Chi cục thi hành án chỉ trả cho ông Lê Văn Th1 số tiền 464.200.000 đồng (Tương đương 110 chỉ vàng 24K (9999), theo Bản án dân sự phúc thẩm số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long thì ông Th1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T nên ông Th3 ủy quyền cho bà L và ông T nhận tiền của Thi hành án 464.200.000 đồng.

Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá quy định trong vòng 30 ngày Chi cục thi hành án phải giao tài sản cho ông Đ thửa đất số 456, tờ bản đồ số 2, diện tích $4.812,2\text{m}^2$ loại đất lúa, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Sau đó Chấp hành viên có thông báo cho ông Th1 và bà C tự nguyện giao đất, nhưng bà C và ông Th1 không giao. Ngày 13/3/2012 ra quyết định xác định ngày 23/3/2012 thực hiện việc cưỡng chế giao đất. Nhưng ngày 21/3/2012

VKSND huyện Long Hồ mượn hồ sơ và yêu cầu ngưng cưỡng chế để xem xét hồ sơ.

Ngày 14/5/2012 Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 30 chuyển đơn cho bị đơn với nội dung các con của ông Th1 gồm Nguyễn Thành L1, Nguyễn Thành C1, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Kim D khiếu nại việc bán đấu giá vì tài sản của hộ ông Th1. Ngày 16/5/2012 Chi cục thi hành án dân sự huyện H ra quyết định không chấp nhận khiếu nại của các con ông Th1.

Ngày 28/5/2012 Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế giao đất là ông Võ Quốc X đi học thời gian 06 tháng nên bàn giao cho Chấp hành viên Dương Minh Ng thực hiện.

Ngày 27/7/2012 Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long ra quyết định số 05 bác yêu cầu khiếu nại của các con ông Th1.

Ngày 23/8/2012 Chấp hành viên Dương Minh Ng lên kế hoạch cưỡng chế giao đất cho ông Đ, nhưng cũng không thực hiện được với lý do khi kê biên không kê biên căn chòi bằng cây tạp của ông Th1 nên không cưỡng chế được.

Ngày 16/11/2012 ông Dương Minh Ng tiếp tục lên kế hoạch cưỡng chế giao đất cho ông Đ nhưng cũng không thực hiện được với lý do bà C vợ ông Th1 bỗng cháu nhỏ khoảng 01 tháng tuổi đòi nhảy xuống mương, sợ ảnh hưởng đến tính mạng của bà C nên không cưỡng chế.

Sau đó bà C và ông Th1 xin thời gian 03 ngày tự nguyện tháo dỡ di dời căn chòi để giao đất nhưng vẫn không thực hiện.

Ngày 27/12/2012 TAND Tối cao tại TP.HCM có công văn số 21 yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện ong Hồ ra quyết định hoãn thi hành án đối với Bản án phúc thẩm số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long trong thời hạn 90 ngày nên bị đơn ra quyết định hoãn thi hành án.

Ngày 07/02/2013 TAND Tối cao tại TP.HCM có quyết định kháng nghị số 57/2013 hủy toàn bộ bản án số 79/2011/DS-PT của TAND tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 01/4/2013 bị đơn ra quyết định số 32 tạm đình chỉ thi hành án.

Ngày 17/4/2013 TAND Tối cao ban hành quyết định Giám đốc thẩm số 159/2013 hủy toàn Bản án số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh

Vĩnh Long và Bản án số 04/2010/DS-ST ngày 23/11/2010 của TAND huyện Long Hồ.

Với những lý do nêu trên nên phía bị đơn không giao được tài sản mua đấu giá cho ông Đ.

Chi cục thi hành án đồng ý chấm dứt hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 094/11/BG-CL ngày 20/12/2011 giữa Công ty TNHH đấu giá Cửu Long và ông Vũ Khoa Đ. Về yêu cầu bồi thường của ông Đ thì bị đơn không đồng ý bồi thường mà yêu cầu ông T, bà L và ông Th3 phải có nhiệm liên đới trả lại cho Thi hành án số tiền 545.829.000đ để bị đơn trả cho ông Đ.

Phần tiền lãi thì bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn với lý do căn cứ điều 9 hợp đồng bán đấu giá số 094/11/BG-CL ngày 20/12/2011 thì bị đơn không phải trả lãi với các lý do mà bị đơn nêu trên.

Sau đó Chi cục thi hành án dân sự huyện H nộp đơn thay đổi ý kiến, yêu cầu ông Nguyễn Văn Th3 và bà Lê Thị C giao thửa đất số 456, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.812,2m² loại đất lúa, tọa lạc tại ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cho ông Vũ Khoa Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T trình bày:

Theo Bản án số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long và Bản án số 04/2010/DS-ST ngày 23/11/2010 của TAND huyện Long Hồ thì bà C và ông Th3 phải trả cho ông Lê Văn Th1 số tiền 464.200.000 đồng, tương đương 110 chỉ vàng 24K (9999), do ông Th1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T nên ông Th1 ủy quyền cho bà L và ông T nhận tiền của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, bà L là người trực tiếp nhận số tiền 464.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà L quản lý sử dụng số tiền này như trả nợ, mua đất. Nay bà không đồng ý trả cho Chi cục thi hành án số tiền 464.200.000 đồng vì ông Th1 là người được nhận tiền và ủy quyền cho bà L đi nhận. Chi cục thi hành án dân sự huyện H làm sai thì phải chịu trách nhiệm với ông Đ. Bà L và ông T không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Công ty TNHH đấu giá B có ông Đỗ Quốc Th là người đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty TNHH đấu giá B không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Văn phòng Công chứng Tạ Thị Th có văn bản trình bày ý kiến:

Việc công chứng hợp đồng bán đấu giá đối với tài sản nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Văn phòng công chứng không có ý kiến đối với yêu cầu của các bên và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ông Trần Văn Th4 trình bày:

Yêu cầu ông Vũ Khoa Đ thanh toán số tiền thù lao mà hai bên đã thỏa thuận theo hợp đồng ngày 28/10/2013 và hợp đồng ủy quyền ngày 19/11/2013 cụ thể số tiền:

Thù lao theo hợp đồng: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Thù lao trên tổng số tiền lãi mà ông Đ yêu cầu được Tòa án chấp nhận là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Tiền đóng tạm ứng án phí dùm cho ông Đ: 18.000.000 đồng

Tổng cộng là: 70.000.000đ + 30.000.000đ + 18.000.000đ = 118.000.000 đồng (Một trăm mười tám triệu đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 13/5/2019 ông Đ và ông Th4 thỏa thuận ông Đ sẽ trả cho ông Th4 tổng cộng tiền hợp đồng dịch vụ là 68.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Khoa Đ.

Hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 094/11/HĐMB-CL ký kết ngày 20/12/2011 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn đấu giá B và ông Vũ Khoa Đ.

2. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Khoa Đ số tiền 545.829.000 đồng tiền mua tài sản trúng đấu giá và tiền bồi thường thiệt hại là 234.207.058 đồng, tổng cộng 780.036.058 đồng, trong đó buộc trả 48.183.636 đồng mà Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đang gửi tại Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Vĩnh Long. Số tiền còn lại 731.852.422 đồng (Bảy trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi hai

ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng) buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long phải tiếp tục trả cho ông Vũ Khoa Đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Vũ Khoa Đ do rút yêu cầu đối với số tiền bồi thường thiệt hại 102.024.000 đồng.

3. Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 phải liên đới trả cho Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long số tiền 464.200.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th4. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn Th4 và ông Vũ Khoa Đ về việc ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Th4 tiền dịch vụ là 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th4 về số tiền đã rút yêu cầu là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật quy định.

Ngày 09/9/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện H kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết: Không buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H trả tiền cho ông Đ. Đề nghị Tòa phúc thẩm tuyên xử buộc ông Th3 và bà C phải tiếp tục thực hiện việc bán đấu giá để giao quyền sử dụng đất cho ông Đ là đúng quy định pháp luật.

Ngày 11/9/2019 bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu của Chi cục thi hành án dân sự huyện H về việc yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 liên đới trả Chi cục thi hành án dân sự huyện H số tiền 464.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Võ Quốc X đại diện cho bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

- Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

- Ông Vũ Khoa Đ không đồng ý với kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; không đồng ý với kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T.

- Ông Đỗ Quốc Th đại diện cho Công ty TNHH đấu giá B và ông Lê Văn Th1 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Xét kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Theo quy định của hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá về thời hạn giao tài sản thì bị đơn phải chịu trách nhiệm giao tài sản trúng đấu giá sau khi bên chủ sở hữu tài sản nhận đủ tiền mua tài sản người trúng đấu giá nộp đủ tiền. Trường hợp phải cưỡng chế thi hành án để giao tài sản cho người trúng đấu giá thì thời hạn giao tài sản có thể gia hạn nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày người trúng đấu giá nộp đủ tiền. Tuy nhiên, sau khi nhận đầy đủ số tiền của ông Đ đã nộp, nhưng bị đơn không giao đất cho ông Đ là vi phạm hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do bản án dân sự phúc thẩm số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và bản án sơ thẩm số 04/2010/DS-ST ngày 23/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã bị cấp giám đốc thẩm hủy, nên việc giao đất không thể thực hiện được, vì vậy không có căn cứ buộc ông Nguyễn Văn Th3 và bà Lê Thị C phải giao thửa 456 diện tích 4.812,2m² để thi hành án, nên việc ông Vũ Khoa Đ yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá là có căn cứ theo quy định tại Điều 425 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 32 Nghị định 05/2005/NĐCP ngày 18/01/2005 của Chính phủ. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H về yêu cầu ông Nguyễn Văn Th3 và bà Lê Thị C phải giao thửa 456 diện tích 4.812,2m² để thi hành án.

Xét kháng cáo của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T do hợp đồng bán đấu giá tài sản bị hủy, nên kết quả bán đấu giá cũng bị vô hiệu, hậu quả các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận, bên có lỗi phải bồi thường. Bà T là người trực tiếp nhận số tiền 464.200.000 đồng, với tư cách là

người nhận ủy quyền của ông Th1. Tuy nhiên, số tiền này cũng là tài sản thi hành án giữa ông Th1 và bà L, ông T trong cùng bản án đã bị hủy, thực tế bà L ông T là người sử dụng số tiền trên, nên án sơ thẩm buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Khoa Đ số tiền đã nhận 545.829.000 đồng và buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T, ông Lê Văn Th1 phải liên đới trả cho Chi cục thi hành án dân sự huyện H số tiền 464.200.000 đồng là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T.

Xét về lỗi: án sơ thẩm xác định Chi cục thi hành án dân sự huyện H có lỗi hoàn toàn trong việc giao tài sản cho bên trúng đấu giá theo khoản 4 Điều 27 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ là không chính xác, vì việc bán đấu giá tài sản được thực hiện vào năm 2011, thời điểm này Nghị định 62 chưa được ban hành. Trong trường hợp này, Chi cục thi hành án dân sự huyện H, ông Lê Văn Th1, bà Lê Thị C ông Nguyễn Văn Th3 và bà Lê Thị L ông Nguyễn Văn T đều có lỗi. Ông Th3, bà C không giao tài sản và có hành vi cản trở việc thi hành án; Chi cục thi hành án dân sự huyện H không thực hiện nghiêm các qui định về thi hành án dân sự; ông Lê Văn Th1 và bà Lê Thị L ông Nguyễn Văn T đều rút toàn bộ yêu cầu sau khi đã nhận tiền, dẫn đến việc đình chỉ giải quyết vụ án, gây thiệt hại quyền lợi ích hợp pháp của ông Vũ Khoa Đ. Vì vậy mỗi người phải chịu thiệt hại tương ứng với phần lỗi của mình đối với tổng số tiền 234.207.058 đồng theo bản chiết tính lãi của Ngân hàng. Cụ thể:

+ Giai đoạn không thi hành án được: Tính từ ngày 03/02/2012 (Ngày ông Đ yêu cầu) đến ngày 03/6/2014 theo bản chiết tính lãi của Ngân hàng = 125.947.200 đồng, Chi cục thi hành án dân sự huyện H và bà C, ông Th3 mỗi bên chịu 50% = 62.973.600 đồng.

+ Giai đoạn các đương sự rút yêu cầu: Tính từ ngày 04/6/2014 (Ngày Đình chỉ giải quyết vụ án) đến ngày 28/8/2019 theo bản chiết tính lãi của Ngân hàng = 108.260.000 đồng, ông Th1 và bà L, ông T mỗi bên chịu 50% = 54.130.000 đồng.

Xét kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H về yêu cầu ông Nguyễn Văn Th3 và bà Lê Thị C giao thửa 456 diện tích 4.812,2m² để thi hành án là bao trùm hơn việc phải trả toàn bộ số tiền thiệt hại được tính theo lãi suất Ngân hàng, do đó chấp nhận một phần kháng cáo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015;

+ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Chi cục thi hành án huyện H;

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T.

Sửa án sơ thẩm đối với số tiền thiệt hại.

Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và Chi cục thi hành án huyện H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục:* Bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] Xét kháng cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Xét việc, Chi cục thi hành án dân sự huyện H yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm không buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H trả tiền cho ông Đ. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm buộc ông Th3 và bà C phải tiếp tục thực hiện việc bán đấu giá để giao quyền sử dụng đất cho ông Đ là không có cơ sở chấp nhận. Vì, ngày 20/12/2011 giữa ông Vũ Khoa Đ và Công ty TNHH đấu giá B ký kết hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 094/11/HĐMB-CL, theo đó ông Đ mua thửa đất số 456 diện tích 4.812,2m², tờ bản đồ số 9, loại đất CLN, tọa lạc ấp H, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do Chi cục thi hành án dân sự huyện H bán đấu giá, với số tiền là 545.829.000 đồng. Ngày 14/12/2011 ông Đ nộp số tiền 50.000.000 đồng

tại Công ty TNHH đấu giá B, ngày 03/01/2012 ông Đ nộp số tiền 495.829.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Theo quy định của hợp đồng về thời hạn giao tài sản thì bị đơn phải chịu trách nhiệm bàn giao tài sản trúng đấu giá sau khi bên chủ sở hữu tài sản nhận đủ tiền mua tài sản người trúng đấu giá nộp đủ tiền. Trường hợp phải cưỡng chế thi hành án để giao tài sản cho người trúng đấu giá thì thời hạn giao tài sản có thể gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày người trúng đấu giá nộp đủ tiền. Ngay sau khi nhận tiền của ông Đ nộp đầy đủ phía bị đơn không giao đất cho ông Đ, bị đơn đã vi phạm hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Phía bị đơn cho rằng do lỗi khách quan do Bản án phúc thẩm số 79/2011/DSPT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long bị hủy nên không giao được đất cho ông Đ là không có căn cứ. Vì sau khi ông Đ nộp đủ tiền mua tài sản trúng đấu giá đến khi có Quyết định giám đốc thẩm số 159/2013/DS-GĐT ngày 17/4/2013 của Tòa dân sự TAND tối cao hủy Bản án phúc thẩm số 79 của TAND tỉnh Vĩnh Long là hơn hai năm mà bị đơn vẫn không giao được đất cho ông Đ, như vậy bị đơn đã vi phạm hợp đồng.

Mặt khác, khi chưa giao đất cho ông Đ, trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ông Đ nộp đủ tiền bị đơn đã giao cho bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T số tiền 464.200.000 đồng là không phù hợp. Lẽ ra chưa giao được đất cho ông Đ thì số tiền 545.829.000 đồng phải được gửi tại Ngân hàng để đảm bảo quyền lợi của người mua trúng đấu giá.

Theo quy định tại mục 7.2 mục 7 thông tư 03/2005/TT-BTP ngày 04/5/2005 của Bộ tư pháp quy định: Trong trường hợp hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị Tòa án tuyên vô hiệu hoặc bị hủy theo quy định của Bộ luật dân sự, thì kết quả bán đấu giá đương nhiên bị hủy. Bên có lỗi gây thiệt hại do việc hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị tuyên vô hiệu hoặc bị hủy phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Ông Đ yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá 094/11/HĐMB-CL và đòi bị đơn trả lại số tiền 545.829.000 đồng và tiền thiệt hại do bị đơn vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 425 Bộ luật dân sự 2005; Điều 423, Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 32 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản; Tiêu mục 7.2 mục 7 thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04/5/2005 của Bộ tư pháp

hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản. Khi kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy thì các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi phải bồi thường. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đ: Tòa cấp sơ thẩm đã ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản để định giá tài sản làm căn cứ bồi thường thiệt hại, nhưng Hội đồng định giá không tiến hành định giá được. Lý do tài sản cần định giá không phải của nguyên đơn, bị đơn và Bản án số 79/2011/DSPT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long bị hủy nên không định giá. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Khoa Đ cấp sơ thẩm tính lãi trên số tiền gốc với mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng, tính từ ngày ông Đ yêu cầu 03/02/2012 đến ngày xét xử 28/8/2019, cụ thể được tính theo bản chiết tính lãi của Ngân hàng như sau:

- Từ ngày 03/02/2012 đến ngày 11/4/2012 là 68 ngày x 14%/năm x 545.829.000đ = 14.434.145đ
- Từ ngày 11/4/2012 đến ngày 18/4/2012 là 07 ngày x 13%/năm x 545.829.000đ = 1.379.734đ
- Từ ngày 18/4/2012 đến ngày 11/6/2012 là 54 ngày x 12%/năm x 545.829.000đ = 9.824.922đ
- Từ ngày 11/6/2012 đến ngày 14/6/2012 là 03 ngày x 11%/năm x 545.829.000đ = 500.000đ.
- Từ ngày 14/6/2012 đến ngày 24/12/2012 là 193 ngày x 9%/năm x 545.829.000đ = 26.336.249đ.
- Từ ngày 24/12/2012 đến ngày 26/3/2013 là 92 ngày x 8%/năm x 545.829.000đ = 11.159.171đ
- Từ ngày 26/3/2013 đến ngày 13/5/2013 là 48 ngày x 7.5%/năm x 545.829.000đ = 5.458.290đ
- Từ ngày 13/5/2013 đến ngày 27/6/2013 là 45 ngày x 7%/năm x 545.829.000đ = 4.776.004đ.
- Từ ngày 27/6/2013 đến ngày 28/6/2013 là 01 ngày x 7,5%/năm 545.829.000đ = 113.714đ.

- Từ ngày 28/6/2013 đến ngày 18/02/2014 là 235 ngày x 7%/năm x 545.829.000đ = 24.941.353đ.
- Từ ngày 18/02/2014 đến ngày 17/3/2014 là 27 ngày x 6.75%/năm x 545.829.000đ = 2.763.259đ.
- Từ ngày 17/3/2014 đến ngày 08/5/2014 là 52 ngày x 5.5%/năm x 545.829.000đ = 4.336.308đ.
- Từ ngày 08/5/2014 đến ngày 17/5/2014 là 09 ngày x 6%/năm x 545.829.000đ = 818.744đ.
- Từ ngày 17/5/2014 đến ngày 20/6/2014 là 34 ngày x 5.5%/năm x 545.829.000đ = 2.835.278đ.
- Từ ngày 20/6/2014 đến ngày 11/8/2014 là 52 ngày x 5.1%/năm x 545.829.000đ = 4.020.940đ.
- Từ ngày 11/8/2014 đến ngày 17/9/2014 là 37 ngày x 4.8%/năm x 545.829.000đ = 2.692.756đ.
- Từ ngày 17/9/2014 đến ngày 09/10/2014 là 22 ngày x 4.5%/năm x 545.829.000đ = 1.501.030đ.
- Từ ngày 09/10/2014 đến ngày 29/10/2014 là 20 ngày x 4.3%/năm x 545.829.000đ = 1.303.925đ.
- Từ ngày 29/10/2014 đến ngày 24/3/2016 là 512 ngày x 4%/năm x 545.829.000đ = 31.051.605đ.
- Từ ngày 24/3/2016 đến ngày 26/9/2016 là 186 ngày x 4.5%/năm x 545.829.000đ = 12.690.524đ.
- Từ ngày 26/9/2016 đến ngày 05/12/2016 là 70 ngày x 4.2%/năm x 545.829.000đ = 4.457.604đ.
- Từ ngày 05/12/2016 đến ngày 02/4/2018 là 483 ngày x 4.3%/năm x 545.829.000đ = 31.489.785đ.
- Từ ngày 02/4/2018 đến ngày 29/8/2018 là 149 ngày x 4.1%/năm x 545.829.000đ = 9.527.055đ.
- Từ ngày 29/8/2018 đến ngày 08/10/2018 là 40 ngày x 4.3%/năm x 545.829.000đ = 2.682.360đ.

- Từ ngày 08/10/2018 đến ngày 12/11/2018 là 35 ngày x 4.5%/năm x 545.829.000đ = 2.456.231đ.

- Từ ngày 12/11/2018 đến ngày 06/12/2018 là 24 ngày x 5.5%/năm x 545.829.000đ = 2.058.555đ.

- Từ ngày 06/12/2018 đến ngày 28/8/2019 là 265 ngày x 4.5%/năm x 545.8293.000đ = 18.597.174đ.

Tổng cộng tiền lãi từ ngày 03/02/2012 đến ngày 28/8/2019 là 234.207.058 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên cấp sơ thẩm buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Khoa Đ số tiền 545.829.000 đồng tiền mua tài sản trúng đấu giá và tiền bồi thường thiệt hại là 234.207.058 đồng, tổng cộng 780.036.058 đồng. Hiện Chi cục thi hành án đang giữ số tiền vốn, lãi 48.183.636 đồng (Gửi tại Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Vĩnh Long). Vì vậy buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H có trách nhiệm giao trả cho ông Đ số tiền 48.183.636 đồng mà Chi cục thi hành án dân sự huyện H đang giữ tại Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Vĩnh Long. Số tiền còn lại là 731.852.422 đồng (Bảy trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H phải tiếp tục trả cho ông Vũ Khoa Đ là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 27 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ để làm căn cứ giải quyết vụ án là không chính xác, vì việc bán đấu giá tài sản được thực hiện vào năm 2011, thời điểm này Nghị định 62 chưa được ban hành.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T:

Xét việc, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của Chi cục thi hành án dân sự huyện H về việc yêu cầu bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 liên đới trả Chi cục thi hành án dân sự huyện H số tiền 464.200.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Vì, số tiền 464.200.000 đồng bị đơn chi trả cho ông Lê Văn Th1, nhưng ông Th1 ủy quyền cho bà Lê Thị L nhận tiền, vì ông Th1 cũng có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà L và ông T theo Bản án số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của TAND tỉnh Vĩnh Long, bà L và ông T cùng sử dụng số tiền này. Đến ngày 17/4/2013 có Quyết định giám đốc thẩm số 159/2013/DS-GĐT của Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối

cao hủy Bản án số 79/2011/DS-PT ngày 04/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2010/DS-ST ngày 23/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ. Ngày 01/10/2013 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý lại vụ án. Ngày 04/6/2014 Tòa án nhân dân huyện Long Hồ ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập. Vì vậy trong vụ án này các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết lại vụ án nên việc bà Lộc nhận số tiền 464.200.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện H là không có căn cứ pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi của bị đơn và không gây thất thoát ngân sách của Nhà nước nên buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Chi cục thi hành án dân sự huyện H số tiền 464.200.000 đồng là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định trên, nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Từ các nhận định trên: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T; chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 60/2019/DS-ST, ngày 28/ 8/ 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005207 ngày 11/10/2019.

- Buộc bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T mỗi người nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền mỗi người nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005210 và biên lai thu số 0005209 cùng ngày 11/9/2019.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2019/DS - ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Áp dụng các Điều 147, 244, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, khoản 4 Điều 425, Điều 518, Điều 524 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 288, khoản 2 Điều 423, Điều 427, Điều 513, Điều 517, Điều 519, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 32 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ quy định về bán đấu giá tài sản; Tiểu mục 7.2 mục 7 Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04/5/2005 của Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Khoa Đ.

Hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 094/11/HĐMB-CL ký kết ngày 20/12/2011 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn đấu giá B và ông Vũ Khoa Đ.

2. Buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm trả lại cho ông Vũ Khoa Đ số tiền 545.829.000 đồng tiền mua tài sản trúng đấu giá và tiền bồi thường thiệt hại là 234.207.058 đồng, tổng cộng 780.036.058 đồng, trong đó buộc trả 48.183.636 đồng mà Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long đang gửi tại Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Vĩnh Long. Số tiền còn lại 731.852.422 đồng (Bảy trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long phải tiếp tục trả cho ông Vũ Khoa Đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của ông Vũ Khoa Đ do rút yêu cầu đối với số tiền bồi thường thiệt hại 102.024.000 đồng (Một trăm lẻ hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

3. Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 phải liên đới trả cho Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long số tiền 464.200.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn Th4 và ông Vũ Khoa Đ về việc ông Đa có trách nhiệm trả cho ông Th4 tiền dịch vụ là 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn Th4 về số tiền đã rút yêu cầu là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Vĩnh Long phải chịu án phí là 35.501.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Th1 phải liên đới chịu án phí là 22.568.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Buộc ông Vũ Khoa Đ phải chịu 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003505 ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ông Đ được nhận lại số tiền 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Văn Th4 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000626 ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc bị đơn Chi cục thi hành án dân sự huyện H nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005207 ngày 11/10/2019, nên Chi cục thi hành án dân sự huyện H không phải nộp thêm.

- Buộc bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn T mỗi người nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền mỗi người nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005210 và biên lai thu số 0005209 cùng ngày 11/9/2019, nên bà L và ông T không phải nộp thêm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND huyện Long Hồ: 01b;
- THADS huyện Long Hồ: 02b;
- Đ/sự: 19b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường